

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS -ST

Ngày: 25/10/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Trần Ánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Việt Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2023 và 29/10/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST - DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX - ST ngày 15 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 03/10/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP BDLV; Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 tòa nhà Thaiholdings, số 210 đường TQK, phường TT, quận HK, thành phố HN.

- Đại diện theo pháp luật: ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn V, và bà Bạch Thùy D - Cán bộ Ngân hàng TMCP BDLV - Chi Nhánh HB - Phòng giao dịch huyện LS. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị Nh, SN: 1990, trú tại: thôn ĐT, xã CD, huyện LS, HB; Anh Bạch Văn T, SN: 1983, Nơi cư trú: BC, LS, LS, HB. (*Vắng mặt lần thứ hai không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng BDLV trình bày:* Bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T vay vốn tại Ngân hàng TMCP BDLV- Chi nhánh HB theo Hợp đồng tín dụng số HDTD80C2020169 ngày 10/12/2020 với nội dung như sau: Số tiền vay 100.000.0000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 10/12/2020 đến ngày 10/12/2024. Lãi suất vay trong thời hạn là 13,5 %/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ thay đổi 03 tháng/ lần. Theo đó lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: $LS_{cv} = LS_{cs} \text{ tháng} + \text{Margin}$ (tối thiểu 5,6%/năm), lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong thời hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/ năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian trả chậm. Kỳ hạn trả nợ gốc 01 tháng vào ngày 30 hàng tháng, với số tiền 2.100.000 đồng, kỳ hạn trả lãi vay là 01 tháng vào ngày 30 hàng tháng. Mục đích vay: Mua sắm tài sản.

Quá trình vay ông T, bà Nh không trả nợ cho Ngân hàng LV theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên nên khoản vay của bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 09/11/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên. Tính đến ngày 15/3/2023 tổng dư nợ tạm tính bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T còn nợ LienVietPostBank là 97.524.120 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.930 đồng; Nợ lãi là: 18.524.190 đồng

Khi khoản vay của Bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T phát sinh nợ quá hạn, LienvietPostBank đã nhiều lần làm việc với khách hàng đề yêu cầu trả nợ, tất toán khoản vay nhưng bà Nhung và ông Tám không thực hiện nên Ngân hàng Liên Việt đã khởi kiện ra Tòa án:

- Yêu cầu bà Trần Thị Nhung và ông Bạch Văn Tám phải trả cho Ngân hàng Liên Việt số tiền tạm tính đến ngày 15/3/2023 bà Trần Thị Nhung và ông Bạch Văn Tám còn nợ LienvietPostBank tổng số tiền là: 97.524.120 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.930 đồng; Nợ lãi là: 18.524.190 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng LV yêu cầu bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T phải trả cho Ngân hàng Liên Việt số tiền tính đến ngày 25/10/2023 là: 107.741.991 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.885 đồng; Nợ lãi là: 28.742.106 đồng.

** Bị đơn: chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Quyết định; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T

nhưng đều không tổng đạt được. Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được các văn bản trên và niêm yết công khai các văn bản này theo quy định của pháp luật nhưng chị Nh và anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa ngày 03/10/2023 và phiên tòa ngày 25/10/2023 không có lý do nên không có ý kiến của chị Nh, anh T đối với khoản vay vốn của anh chị tại Ngân hàng TMCP BDLV- Chi nhánh HB theo Hợp đồng tín dụng số HDTD80C2020169 ngày 10/12/2020

* Biên bản xác minh tại Công an xã LS, LS, HB, ông Nguyễn Văn T cán bộ công an xã LS, cho biết: Quá trình kiểm tra hồ sơ lưu tại Công an xã LS, huyện LS, tỉnh HB thể hiện anh Bạch Văn T, SN: 1983 có nơi đăng ký HKTT: thôn BC, xã LS, huyện LS, chưa làm thủ tục tạm trú, tạm vắng đi nơi khác, hiện vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương.

* Biên bản xác minh tại Công an xã CD, LS, HB ông Nguyễn Thành N cán bộ công an xã CD cho biết: Qua kiểm tra hồ sơ lưu tại Công an xã CD, huyện LS, tỉnh HB, chị Trần Thị Nh, SN: 1993, có nơi đăng ký HKTT: Thôn ĐT, xã CD, huyện LS, tỉnh HB, chưa tiến hành làm thủ tục tạm trú, tạm vắng đi nơi khác, hiện vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương.

* Biên bản xác minh tại thôn BC, xã LS, huyện LS, HB ông Nguyễn Ngọc Th trưởng thôn cho biết: chị Trần Thị Nh, SN: 1983, có HKTT: thôn BC, xã LS, huyện LS, HB là công dân tôi đang quản lý. Anh T hiện đang có mặt tại địa phương là thôn BC, xã LS, huyện LS. Chị Nh đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn ĐT, xã CD, huyện LS, HB. Anh T thường xuyên tụ tập bạn bè, chơi bời nên thời gian ở gia đình không cố định, thường xuyên về nhà ban đêm, ông không giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Tám được.

* Biên bản xác minh tại thôn ĐT, xã CD, huyện LS, HB ông Nguyễn Văn H trưởng thôn cho biết: chị Trần Thị Nh, SN: 1990, có HKTT: thôn ĐT, xã CD, huyện LS, HB là công dân ông đang quản lý. Chị Nh đi làm ở khu công nghiệp sáng đi, tối về hoặc có hôm không về nên ông không giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nhung được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo các quy định của pháp luật nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV về việc buộc chị Trần Thị Nh anh Bạch Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 107.741.991 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.885 đồng; Nợ lãi là: 28.742.106 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Nh, anh Bạch Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T về hợp đồng tín dụng được xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T hiện đang cư trú ở huyện LS, tỉnh HB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, nên hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ và thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa dân sự sơ thẩm đến bị đơn chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T nhưng anh Tám và chị Nh vắng mặt không có lý do. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, ngày 03/10/2023, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227,

Điều 233, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 25/10/2023 bị đơn anh Bạch Văn T, chị Trần Thị Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

2. Nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BĐLV (viết tắt là Ngân hàng LV): Yêu cầu bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T phải trả cho Ngân hàng Lv số tiền tạm tính đến ngày 25/10/2023 là: 107.741.991. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.885 đồng; Nợ lãi là: 28.742.7106 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Trần Thị Nh và ông Bạch Văn T phải chịu lãi suất quá hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

Hội đồng xét xử đánh giá trên cơ sở lời khai của các bên đương sự, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T vay vốn tại Ngân hàng TMCP BĐLV- Chi nhánh HB theo Hợp đồng tín dụng số HDTD80C2020169 ngày 10/12/2020 với nội dung như sau: Số tiền vay 100.000.0000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 10/12/2020 đến ngày 10/12/2024. Lãi suất vay trong thời hạn là 13,5 %/ năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ thay đổi 03 tháng/ lần. Theo đó lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: $LS_{cv} = LS_{cs}$ tháng + Margin (tối thiểu 5,6%/năm), lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong thời hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/ năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian trả chậm. Kỳ hạn trả nợ gốc 01 tháng vào ngày 30 hàng tháng với số tiền 2.100.000 đồng, kỳ hạn trả lãi vay là 01 tháng vào ngày 30 hàng tháng. Mục đích vay: Mua sắm tài sản.

Quá trình vay anh T, chị Nh không trả nợ Ngân hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên nên khoản vay của chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T đã chuyển sang nợ quá hạn từ 09/11/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 25/10/2023 tổng dư nợ của chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T còn nợ LienVietPostBank là: 107.741.991 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.885 đồng; Nợ lãi là: 28.742.106 đồng.

Căn cứ vào các Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng LV, buộc anh T và chị Nh phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng Liên Việt với tổng số tiền: 107.741.991 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.885 đồng; Nợ lãi là: 28.742.106 đồng.

[2.2] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Bạch Văn T và chị Trần Thị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm tính đến ngày 25/10/2023 là: 107.741.991 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 78.999.885 đồng; Nợ lãi là: : 28.742.106 đồng

Kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, chị Trần Thị Nhung và anh Bạch Văn Tám còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD80C2020169 ngày 10/12/2020. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Nh và anh Bạch Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.387.099 đồng .

Trả lại cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí là 2.438.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005471 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thị Lan Anh

